TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:96/2024/HS-ST
Ngày 16-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.
*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Ông Nguyễn Công Tân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Quyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các điểm thành phần Trại giam Công an tỉnh B và Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 93/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh T**; Tên gọi khác: Không;
Sinh năm: 1996; Giới tính: Nam;
Nơi thường trú: thôn M, xã H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 8/12;
Họ và tên cha: Nguyễn Minh T1- sinh năm 1969;
Họ và tên mẹ: Trần Thị Q - sinh năm 1973;
Vợ, con: chưa có;
Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2.
Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

+) Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958. Vắng mặt
+) Chị Ngô Thị H, sinh năm 1984. Vắng mặt
+) Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1961. Có mặt
+) Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1993. Vắng mặt
+) Anh Nguyễn Tuấn B, sinh năm1963. Có mặt
+) Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1983. Có mặt

+) Chị Trần Thị Q, sinh năm 1973. Có mặt

Cùng nơi thường trú: Thôn M, xã H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

+) Anh Trương Đại N1, sinh năm 1973. Vắng mặt

Nơi thường trú: TDP số C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người chứng kiến;

Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1990. Vắng mặt

Nơi thường trú: TDP số 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1991. Vắng mặt

Nơi thường trú: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 11/4/2024 tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H bắt quả tang Nguyễn Minh T - sinh năm 1996, nơi cư trú: thôn M, xã H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang có hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Vật chứng thu giữ gồm: T4 tại tay trái của T đang cầm 01 gói giấy bạc, bên trong có 05 viên nén màu hồng đỏ và tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Đã được niêm phong); 01 điện thoại di động Redmi đã qua sử dụng số Imei 869972068342542; 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Dream không có yếm, biển kiểm soát 98F6- 6978.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Minh T khai mua của Nguyễn Thị N - Sinh năm 1958 nơi cư trú: thôn M, xã H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 11/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Minh T. Kết quả: thu giữ: Tại vị trí tiếp giáp bờ tường góc vườn nhà ông Nguyễn Tuấn B - sinh năm 1963 (bác ruột của T) trước cửa nhà vệ sinh của gia đình T có 01 bệt vệ sinh bằng sứ màu trắng, trong hộp chứa nước của bệt vệ sinh có 01 lọ nhựa màu xanh, có lắp đậy màu xanh, trên thân hộp có ghi chữ và số, trong hộp nhựa có: 04 đoạn ống nhựa màu trắng, đều được hàn kín hai đầu, bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều chứa 01 viên nén màu hồng đỏ, nghi là ma túy; 10 đoạn ống nhựa, đều được hàn kín hai đầu (gồm 03 đoạn màu xanh biển, 03 đoạn màu tím, 02 đoạn màu xanh lá, 02 đoạn màu cam), bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều chứa 01 viên nén màu hồng đỏ và tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu "KX").

Cùng ngày 11/4/2024, Cơ quan điều tra kiểm tra việc sử dụng chất ma tuý đối với T. Kết quả: Thao dương tính với ma tuý loại Methamphetamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị N. Kết quả: không thu giữ gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 848/KL-KTHS ngày 16/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình Công an tỉnh B, kết luận:

5.1. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "QT" đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng và 05 (năm) viên nén màu hồng đỏ đựng trong 01 (một) gói giấy bạc có hai mặt màu trắng bạc **là ma túy, có tổng khối lượng 0,832 gam, loại Methamphetamine**.

5.2. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "KX" được niêm phong gửi giám định:

Trong 01 (một) lọ nhựa màu xanh có nắp đậy màu xanh, bên ngoài lọ nhựa có chữ và số:

04 (bốn) viên nén màu hồng đỏ đựng trong 04 (bốn) đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu **là ma túy, có tổng khối lượng 0,390 gam, loại Methamphetamine**.

Chất tinh thể màu trắng và 10 (mười) viên nén màu hồng đỏ đựng trong 10 (mười) đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu (trong đó có: 03 (ba) đoạn màu xanh nước biển, 03 (ba) đoạn màu tím, 04 (bốn) đoạn màu xanh) **là ma túy có tổng khối lượng 1,746 gam, loại Methamphetamine.**

Tại Kết luận giám định AND số 272/24/KLGDADN-PYQG ngày 02/5/2024 của V, kết luận: Không thu được dữ liệu AND đầy đủ từ các mẫu vật gửi giám định (lọ nhựa, các đoạn ống nhựa) nên không thể so sánh với AND của Nguyễn Minh T.

Quá trình điều tra Nguyễn Minh T khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 20 giờ 00 phút ngày 10/4/2024, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98F6- 6987 đến nhà bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958 ở cùng thôn mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi, T đứng ngoài cổng gọi *"Bà Nguyệt ơi, để cho con sáu trăm"* (ý T bảo N bán cho sáu trăm nghìn đồng ma túy hồng phiến và đá), khoảng 03 đến 05 phút sau, T nghe thấy có tiếng người đi bộ ra phía cổng, T cầm 600.000đồng đưa qua lỗ cổng, người phía trong cầm tiền và đưa qua lỗ cổng 01 gói giấy bạc bên trong có 05 viên nén màu hồng đỏ và chất tinh thể màu trắng là ma túy, T mang về nhà cất giấu dưới chậu cảnh trước cổng nhà. Đến khoảng 09 giờ ngày 11/4/2024, T ra chỗ cất giấu ma túy trước đó lấy, cầm ở bàn tay trái, sau đó điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98F6- 6987 đi sang địa phận huyện H tìm chỗ sử dụng ma túy, khi đi đến địa phận thôn T, xã Đ, huyện H thì Tổ công tác Công an huyện H kiểm tra phát hiện và thu giữ tại tay trái của T đang cầm 01 gói giấy bạc, bên trong có 05 viên nén màu hồng đỏ và tinh thể màu trắng.

Cơ quan điều tra kiểm tra chiếc điện thoại di động Redmi thu giữ của T khi bắt quả tang. Kết quả không có dữ liệu liên quan đến vụ án.

Căn cứ lời khai của T, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Nguyễn Thị N nhưng N không thừa nhận bán ma túy cho T. Kết quả đối chất lời khai giữa T và N các bên đều giữ nguyên lời khai của mình. Ngoài lời khai của T ra không còn tài liệu chứng cứ nào khác xác định N bán ma túy cho T. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với N.

Đối với số ma túy thu giữ tại 01 bệt vệ sinh bằng sứ màu trắng, trong hộp chứa nước của bệt vệ sinh có 01 lọ nhựa màu xanh, có lắp đậy màu xanh, trên

thân hộp có ghi chữ và số, trong hộp nhựa có: 04 đoạn ống nhựa màu trắng, đều được hàn kín hai đầu, bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều chứa 01 viên nén màu hồng đỏ, nghi là ma túy; 10 đoạn ống nhựa, đều được hàn kín hai đầu (gồm 03 đoạn màu xanh biển, 03 đoạn màu tím, 02 đoạn màu xanh lá, 02 đoạn màu cam), bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều chứa 01 viên nén màu hồng đỏ và tinh thể màu trắng nghi là ma túy, quá trình điều tra T không thừa nhận số ma túy đó là của mình và ông B1 cũng không biết nguồn gốc số ma túy trên do đâu mà có; kết quả giám định không có AND trên các vật chứng đã thu giữ nên Cơ quan điều tra quyết định tách số ma túy trên ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F6 - 6987, quá trình điều tra xác định: giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên anh Trương Đại N1 - sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ dân phố số C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang tuy nhiên anh N1 đã bán chiếc xe cho người không quen biết. Kết quả tra cứu chiếc xe trên không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Đến nay xác định thuộc quyền sở hữu của T do T mua tại cửa hàng mua bán xe mô tô với giá 2.500.000đồng.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi là phương tiện liên lạc của T không dùng vào việc phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số: 90/CT-VKS -HH ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để xét xử về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa hôm nay trình bày:

Ông Nguyễn Minh T1 là bố đẻ của bị cáo T, gia đình ông mở quán ăn Sáng việc bị cáo T tàng trữ trái phép chất ma túy ông không biết, trong quá trình T bị bắt thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H khám xét nhà ông. Quá trình khám xét có thu giữ một số ma túy tại bệt vệ sinh của gia đình ông Nguyễn Tuấn B để nhờ ở góc vườn nhà ông, ông không biết do ai để đó.

Ông Nguyễn Tuấn B là bác ruột bị cáo T, ông xác định chiếc bệt vệ sinh là của gia đình ông, khi gia đình ông làm nhà thì có mang sang góc vườn nhà ông T1 để nhờ, ông không biết ai là người để số ma túy bị thu giữ trong két nước của bệt vệ sinh này.

Anh Nguyễn Văn T3 là anh con bác ruột bị cáo, anh xác định chiếc bệt vệ sinh là của gia đình anh, anh không biết ai là người để ma túy vào đó.

Bà Trần Thị Q là mẹ đẻ bị cáo, bà không biết việc T tàng trữ trái phép chất ma túy, đối với số ma túy thu giữ khi khám xét nhà bà thì bà không biết ai là người để đấy. Gia đình bà hàng ngày có mở quán ăn sáng, lượng người đến quán rất nhiều, nên bà không rõ ai là người để vào đấy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T từ 18 tháng đến 20 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ký hiệu "QT" đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Minh T: 01 điện thoại trong phong bì niêm phong ký hiệu "ĐT" bên trong đựng chiếc điện thoại di động R đã qua sử dụng, số IMEI 869972068342542; 01 xe mô tô kiểu dáng Hon Da D, không có yếm, biển kiểm soát 98F6-6987, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Bị cáo Nguyễn Minh T không có ý kiến tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292; Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Về tội danh: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Bản kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến cùng các tài liệu điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận**:** Hồi 09 giờ 05 phút ngày 11/4/2024, tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H phát hiện bắt quả tang Nguyễn Minh T - sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,832 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất về ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó nó còn là nguyên nhân và điều kiện phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị đưa ra xét xử lần nào và cũng không bị xử lý vi phạm hành chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét tính chất vụ án, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích và biết tuân thủ pháp luật. Do vậy mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo trước khi phạm tội là công nhân, từ khi bị bắt, bị tạm giam, không có thu nhập gì khác, theo xác minh bị cáo không có tài sản gì, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[6]. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, không có chứng cứ xác định việc bà N bán ma túy cho T, ông Nguyễn Minh T1, ông Nguyễn Tuấn B, anh Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Q1, chị Ngô Thị H Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H xác định không liên quan đến hành vi của bị cáo T, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xem xét, xử lý là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô anh Trương Đại N1 - sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ dân phố số C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, tuy nhiên anh N1 đã bán chiếc xe cho người không quen biết, Cơ quan điều tra đã tra cứu chiếc xe trên không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do vậy cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án là có căn cứ.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ký hiệu "QT" đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Minh T: 01 điện thoại trong phong bì niêm phong ký hiệu "ĐT" bên trong đựng chiếc điện thoại di động R đã qua sử dụng, số IMEI 869972068342542; 01 xe mô tô kiểu dáng Hon Da D, không có yếm, biển kiểm soát 98F6-6987, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về án phí: Do bị cáo không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí, do vậy bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 292; Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy".* Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ký hiệu "QT" đựng vật chứng đã niêm phong, hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Minh T: 01 điện thoại trong phong bì niêm phong ký hiệu "ĐT" bên trong đựng chiếc điện thoại di động R đã qua sử dụng, số IMEI 869972068342542; 01 xe mô tô kiểu dáng Hon Da D, không có yếm, biển kiểm soát 98F6-6987, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuấn